

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THUỶ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v tổ chức kê khai hoạt động chăn
nuôi, nuôi trồng thủy sản theo quy định

Vĩnh Thuỷ, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- TT DV tổng hợp xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

Ngày 06/2/2026, UBND xã ban hành Công văn số 378/UBND-KT về tổ chức kê khai theo quy định của Luật Chăn nuôi, Thú y; tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, rất ít hồ sơ kê khai gửi về xã theo quy định;

Nhằm quản lý, cập nhật đầy đủ số lượng đàn vật nuôi, hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; đồng thời có cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước, phòng, chống dịch bệnh, thống kê, báo cáo và thực hiện các chính sách hỗ trợ người chăn nuôi khi có thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định; UBND xã Vĩnh Thuỷ yêu cầu Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã và Trưởng các thôn nghiêm túc thực hiện các nội dung sau:

1. Trưởng các thôn.

Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân, hộ chăn nuôi trên địa bàn thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo đúng đối tượng và số lượng vật nuôi phải kê khai theo (*Phụ lục 1 đính kèm*); Tuyên truyền Nghị định 211/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16/6/2026 của Chính Phủ về quy định xử phạt hành chính trong chăn nuôi, trong đó có quy định xử phạt (*không thực hiện kê khai*) để Nhân dân biết, thực hiện.

Trong thời hạn **03 ngày kể từ khi nhập đàn nuôi mới**, yêu cầu người chăn nuôi thực hiện kê khai theo mẫu tại **Phụ lục 2, Phụ lục 3**, gửi bản kê khai cho Trưởng thôn.

Trưởng thôn có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát sơ bộ và tổng hợp danh sách các hộ đã thực hiện kê khai; gửi về **Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã vào ngày 26 hàng tháng** để theo dõi, cập nhật và tổng hợp chung.

Chủ động nắm tình hình, số lượng đàn vật nuôi, diện tích nuôi trồng thủy sản và danh sách các hộ chăn nuôi trên địa bàn; thường xuyên tuyên truyền, đôn đốc người dân thực hiện kê khai đầy đủ, kịp thời, chính xác.

Khi có biến động tăng, giảm đàn vật nuôi; phát sinh hộ chăn nuôi mới, cơ sở nuôi mới hoặc có thay đổi về diện tích, đối tượng nuôi trồng thủy sản, kịp thời thông báo và cập nhật cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã.

Về hình thức kê khai: Người chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai bằng phiếu theo mẫu tại *Phụ lục 2, Phụ lục 3* gửi Trưởng thôn hoặc thực hiện **kê khai trực tuyến** trên hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi tại <https://csdlchannuoi.mae.gov.vn/>. Người thực hiện kê khai trực tuyến có trách nhiệm nhập **đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu của hệ thống**. Mọi khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kê khai trực tuyến, liên hệ Phòng Kinh tế xã để được hỗ trợ qua số điện thoại: **0912.495 717 (đ/c Giang)**.

Lưu ý: Việc kê khai phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời về số lượng, loại vật nuôi, diện tích và đối tượng nuôi trồng thủy sản; thường xuyên cập nhật khi có biến động tăng, giảm đàn vật nuôi, diện tích nuôi. Số liệu kê khai là cơ sở để UBND xã và các đơn vị có liên quan theo dõi, quản lý sản xuất, đồng thời phục vụ công tác kiểm tra, xác minh, thẩm định và xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai khi xảy ra trên địa bàn.

Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai gây thiệt hại, Trưởng thôn có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã và các đơn vị liên quan kiểm tra, xác nhận tình hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và mức độ thiệt hại thực tế của các hộ theo yêu cầu, bảo đảm số liệu kê khai phù hợp với tình hình thực tế và hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

Tham mưu UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các thôn và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã.

Trên cơ sở số liệu kê khai do Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tổng hợp, Phòng Kinh tế phối hợp xem xét, đối chiếu, kiểm tra và tham mưu UBND xã trong việc xác định tình hình sản xuất, mức độ thiệt hại và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp bị thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai theo quy định.

Kiểm tra, hướng dẫn xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Trên cơ sở lực lượng khuyến nông được phân công ở Phụ lục 4, là đầu mối trực tiếp tiếp nhận, rà soát, cập nhật và tổng hợp số liệu kê khai hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của các thôn; thường xuyên theo dõi biến động về đàn vật nuôi, diện tích và đối tượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

Tổng hợp số liệu kê khai hằng tháng, 06 tháng, 01 năm trên cơ sở phiếu kê khai các thôn; đồng thời thực hiện tổng hợp số liệu định kỳ **06 tháng và 01 năm** theo các biểu mẫu tại **Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7 và Phụ lục 8** (*gửi kèm*) về UBND xã thông qua Phòng Kinh tế để theo dõi, tham mưu theo quy định.

Trên cơ sở số liệu kê khai và tình hình thực tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã phối hợp với Trưởng thôn và các đơn vị liên quan kiểm tra, xác minh số liệu khi có dịch bệnh, thiên tai xảy ra; cung cấp, tổng hợp hồ sơ, số liệu phục vụ việc thẩm định, xem xét hỗ trợ thiệt hại (*nếu có*) theo quy định; chịu trách nhiệm về việc tổng hợp, cập nhật số liệu kê khai thuộc phạm vi được giao.

4. Các phòng, ban, đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức, cá nhân chăn nuôi thực hiện đầy đủ việc kê khai hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

UBND xã yêu cầu Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, Trưởng các thôn và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Lưu: VT,KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Chiến

PHỤ LỤC: KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng năm 2026
của UBND xã Vĩnh Thủy)

**PHỤ LỤC 1: LOẠI VẬT NUÔI VÀ SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI
TỐI THIỂU PHẢI KÊ KHAI**

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I Gia súc			
1	Trâu, nghé	Con	01
2	Bò, bê	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Dê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	05
8	Lợn nái	Con	01
9	Lợn đực giống	Con	01
II Gia cầm			
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim cút	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III Động vật khác được phép chăn nuôi			
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim yến	Nhà	01
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01
6	Dông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Dế	m ²	05
9	Bò cạp	m ²	01
10	Tằm (đa hệ, lưỡng hệ, thâu dầu lá sắn)	Ổ	50
11	Giun quế (trùn quế)	m ²	05
12	Ruồi lính đen	m ²	05
IV	Vật nuôi thủy sản khác		Chăn nuôi tập trung hoặc ban đầu

PHỤ LỤC 2:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi:
Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:
Số điện thoại (nếu có):
Thời điểm kê khai:
Kê khai theo (định kỳ hoặc nhập nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý):

Số TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
1									
2									
...									

Trưởng thôn

....., ngày ... tháng ... năm
Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, cập nhật hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai cho **Trưởng thôn** hoặc qua dịch vụ bưu chính, thư điện tử, email, fax... về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trên hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi.
- ⁽¹⁾ Đối với chim yến, dê, bọ cạp, tằm, giun quế, ruồi lính đen số lượng vật nuôi xuất trong kỳ: (để trống)

PHỤ LỤC 3: Kê khai nuôi trồng thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại, Fax, Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....

.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã/phường

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4:

**PHÂN CÔNG NHÂN SỰ TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP XÃ PHỤ TRÁCH
THEO DÕI, TỔNG HỢP KÊ KHAI CHĂN NUÔI, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

STT	Họ và tên	Chức danh	Địa bàn phụ trách	Nội dung thực hiện
1	Hồ Văn Hoàn	Nhân viên Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Các thôn thuộc địa bàn xã Vĩnh Thủy cũ	Hướng dẫn kê khai; tiếp nhận biểu kê khai từ các thôn; rà soát, cập nhật, tổng hợp số liệu theo địa bàn được phân công
2	Hồ Duy Tuấn	Nhân viên Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Các thôn thuộc địa bàn xã Vĩnh Lâm cũ	Hướng dẫn kê khai; tiếp nhận, rà soát và cập nhật số liệu kê khai; phối hợp tổng hợp số liệu
3	Lê Văn Nghĩa	Nhân viên Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Các thôn thuộc địa bàn xã Vĩnh Sơn cũ	Phối hợp theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu kê khai
4	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Nhân viên Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Các thôn thuộc địa bàn xã Vĩnh Sơn cũ	Phối hợp với Lê Văn Nghĩa

Lưu ý: Đối với mẫu kê khai 1 năm, lấy mẫu 06 tháng áp dụng

PHỤ LỤC 5: BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI CÁC THÔN (1 tháng)

[illegible]

	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
.....	Số hộ nuôi													
	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
Tổng các thôn	Tổng số hộ nuôi													
	Tổng số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Tổng số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Tổng sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													

....., ngày.....tháng.....năm....
TTDVTH xã.....

Người lập biểu

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 6: BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI XÃ VĨNH THỦY (6 tháng)

[illegible]

	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
.....	Số hộ nuôi													
	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
Tổng toàn xã	Tổng số hộ nuôi													
	Tổng số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Tổng số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Tổng sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													

Người lập biểu

....., ngày.....tháng.....năm.....

TTDVTH xã.....

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7: BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI THỦY SẢN (1 tháng)

[illegible]

	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
.....	Số hộ nuôi													
	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
Tổng toàn xã	Tổng số hộ nuôi													
	Tổng số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Tổng số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Tổng sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													

Người lập biểu

....., ngày.....tháng.....năm.....

TTDVTH xã.....

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 8: BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI THỦY SẢN (6 tháng)

[illegible]

	xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
.....	Số hộ nuôi													
	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													
Tổng toàn xã	Tổng số hộ nuôi													
	Tổng số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ													
	Tổng số lượng vật nuôi xuất trong kỳ (con)													
	Tổng sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ													

Người lập biểu

....., ngày.....tháng.....năm.....

TTDVTH xã.....

(ký tên, đóng dấu)